

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
Khoa: Kinh tế

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Cao đẳng														
Ngành: Logistics														
1	19C1-LGT1	22	5	6	27,27	14	63,64	1	4,55	1	4,55	0	0,00	
2	20C1-LGT1	22	3	2	9,09	3	13,64	9	40,91	8	36,36	0	0,00	
3	21C1-LGT1	33	10	7	21,21	14	42,42	4	12,12	8	24,24	0	0,00	
CỘNG 03 Lớp		77	18	15	19,48	31	40,26	14	18,18	17	22,08	0	0,00	0
Ngành: Tài chính doanh nghiệp														
1	20C1-TCĐ1	12	4	0	0,00	4	33,33	8	66,67	0	0,00	0	0,00	
2	21C1-TCĐ1	19	10	0	0,00	1	5,26	9	47,37	9	47,37	0	0,00	
CỘNG 02 Lớp		31	14	0	0,00	5	16,13	17	54,84	9	29,03	0	0,00	0
Ngành: Kế toán doanh nghiệp														
1	19C1-KTD1	46	39	18	39,13	20	43,48	7	15,22	1	2,17	0	0,00	
2	20C1-KTD1	47	40	2	4,26	4	8,51	25	53,19	16	34,04	0	0,00	
3	21C1-KTD1	46	47	7	15,22	15	32,61	13	28,26	11	23,91	0	0,00	
4	20C2-KTD1	20	16	2	10,00	3	15,00	9	45,00	6	30,00	0	0,00	
CỘNG 04 Lớp		159	142	29	18,24	42	26,42	54	33,96	34	21,38	0	0,00	0
Ngành: Quản trị doanh nghiệp														
1	19C1-QTD1	43	25	8	18,60	15	34,88	7	16,28	13	30,23	0	0,00	
2	20C1-QTD1	39	22	0	0,00	2	5,13	10	25,64	27	69,23	0	0,00	
3	21C1-QTD1	40	17	2	5,00	9	22,50	11	27,50	18	45,00	0	0,00	
4	21C1-QTD2	64	25	15	23,44	39	60,94	7	10,94	3	4,69	0	0,00	
5	20C2-QTD1	27	11	0	0,00	4	14,81	9	33,33	14	51,85	0	0,00	
CỘNG 05 Lớp		213	100	25	11,74	69	32,39	44	20,66	75	35,21	0	0,00	0

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Quản trị khách sạn														
1	20C1-QKS1	21	9	1	4,76	3	14,29	13	61,90	4	19,05	0	0,00	
2	21C1-QKS1	29	13	4	13,79	8	27,59	6	20,69	3	10,34	8	27,59	
CỘNG 02 Lớp		50	22	5	10,00	11	22,00	19	38,00	7	14,00	8	16,00	0
Ngành: Quản trị nhà hàng														
1	20C1-QNH1	16	5	1	6,25	10	62,50	5	31,25	0	0,00	0	0,00	
2	21C1-QNH1	20	7	1	5,00	1	5,00	12	60,00	6	30,00	0	0,00	
CỘNG 02 Lớp		36	12	2	5,56	11	30,56	17	47,22	6	16,67	0	0,00	0
Ngành: Thương mại điện tử														
1	20C1-TMĐT1	15	2	0	0,00	4	26,67	9	60,00	2	13,33	0	0,00	
2	21C1-TMĐT1	17	2	4	23,53	8	47,06	2	11,76	3	17,65	0	0,00	
CỘNG 02 Lớp		32	4	4	12,50	12	37,50	11	34,38	5	15,63	0	0,00	0
Ngành: Kỹ thuật làm bánh														
1	20C1-KLB1	8	3	0	0,00	1	12,50	5	62,50	2	25,00	0	0,00	
2	21C1-KLB1	13	8	4	30,77	6	46,15	3	23,08	0	0,00	0	0,00	
Cộng 02 Lớp		21	11	4	19,05	7	33,33	8	38,10	2	9,52	0	0,00	0
Trung cấp														
Ngành: Logistics														
1	19T4-LGT1	23	8	0	0,00	3	13,04	13	56,52	7	30,43	0	0,00	
2	20T4-LGT1	33	16	5	15,15	3	9,09	13	39,39	12	36,36	0	0,00	
3	21T4-LGT1	32	14	1	3,13	2	6,25	16	50,00	13	40,63	0	0,00	
CỘNG 03 Lớp		88	38	6	6,82	8	9,09	42	47,73	32	36,36	0	0,00	0
Ngành: Tài chính doanh nghiệp														
1	19T4-TCĐ1	26	15	4	15,38	8	30,77	6	23,08	8	30,77	0	0,00	
2	20T4-TCĐ1	54	31	5	9,26	5	9,26	10	18,52	34	62,96	0	0,00	
3	21T4-TCĐ1	28	23	0	0,00	8	28,57	11	39,29	9	32,14	0	0,00	
CỘNG 03 Lớp		108	69	9	8,33	21	19,44	27	25,00	51	47,22	0	0,00	0

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu			
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Ngành: Kế toán doanh nghiệp															
1	19T4-KTD1	36	32	2	5,56	8	22,22	18	50,00	8	22,22	0	0,00		
2	19T4-KTD2	42	30	12	28,57	12	28,57	12	28,57	6	14,29	0	0,00		
3	20T4-KTD1	31	27	2	6,45	7	22,58	17	54,84	5	16,13	0	0,00		
4	20T4-KTD2	35	26	7	20,00	10	28,57	10	28,57	8	22,86	0	0,00		
5	21T4-KTD1	56	50	1	1,79	10	17,86	21	37,50	24	42,86	0	0,00		
CỘNG 05 Lớp		200	165	24	12,00	47	23,50	78	39,00	51	25,50	0	0,00	0	
Ngành: Quản trị doanh nghiệp															
1	19T4-QTD1	37	31	1	2,70	11	29,73	13	35,14	12	32,43	0	0,00		
2	20T4-QTD1	29	18	5	17,24	2	6,90	15	51,72	7	24,14	0	0,00		
3	20T4-QTD2	34	21	1	2,94	6	17,65	13	38,24	14	41,18	0	0,00		
4	21T4-QTD1	43	27	0	0,00	8	18,60	13	30,23	22	51,16	0	0,00		
5	21T4-QTD2	34	19	2	5,88	3	8,82	9	26,47	20	58,82	0	0,00		
CỘNG 05 Lớp		177	116	9	5,08	30	16,95	63	35,59	75	42,37	0	0,00	0	
Ngành: Quản trị du lịch MICE															
1	20T4-QDL1	36	26	2	5,56	6	16,67	11	30,56	17	47,22	0	0,00		
2	21T4-QDL1	28	15	3	10,71	8	28,57	8	28,57	9	32,14	0	0,00		
CỘNG 02 Lớp		64	41	5	7,81	14	21,88	19	29,69	26	40,63	0	0,00	0	
Ngành: Quản trị khách sạn															
1	20T4-QKS1	37	24	2	5,41	6	16,22	17	45,95	12	32,43	0	0,00		
2	21T4-QKS1	35	20	0	0,00	2	5,71	13	37,14	20	57,14	0	0,00		
3	21T4-QKS2	36	18	0	0,00	2	5,56	11	30,56	23	63,89	0	0,00		
CỘNG 03 Lớp		108	62	2	1,85	10	9,26	41	37,96	55	50,93	0	0,00	0	
Ngành: Quản trị lễ hành															
1	20T4-QLH1	18	10	0	0,00	5	27,78	8	44,44	5	27,78	0	0,00		
2	21T4-QLH1	15	6	1	6,67	0	0,00	9	60,00	5	33,33	0	0,00		
CỘNG 02 Lớp		33	16	1	3,03	5	15,15	17	51,52	10	30,30	0	0,00	0	

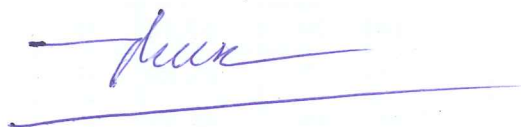
S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu			
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Ngành: Nghiệp vụ nhà hàng															
1	20T4-QNH1	38	23	1	2,63	6	15,79	18	47,37	13	34,21	0	0,00		
2	21T4-QNH1	32	19	3	9,38	9	28,13	10	31,25	10	31,25	0	0,00		
CỘNG 02 Lớp		70	42	4	5,71	15	21,43	28	40,00	23	32,86	0	0,00	0	
Ngành: Thương mại điện tử															
1	19T4-TMĐ1	13	7	0	0,00	5	38,46	1	7,69	7	53,85	0	0,00		
2	20T4-TMĐ1	31	9	0	0,00	5	16,13	16	51,61	10	32,26	0	0,00		
3	21T4-TMĐ1	47	21	0	0,00	5	10,64	14	29,79	28	59,57	0	0,00		
CỘNG 03 Lớp		91	37	0	0,00	15	16,48	31	34,07	45	49,45	0	0,00	0	
Ngành: Kỹ thuật làm bánh															
1	20T4-KLB1	50	38	3	6,00	8	16,00	15	30,00	24	48,00	0	0,00		
2	21T4-KLB1	33	20	0	0,00	6	18,18	13	39,39	14	42,42	0	0,00		
3	21T4-KLB2	35	21	1	2,86	9	25,71	8	22,86	17	48,57	0	0,00		
Cộng 03 Lớp		118	79	4	3,39	23	19,49	36	30,51	55	46,61	0	0,00	0	
53	TỔNG CỘNG (53 LỚP)	1676	988	148	8,83	376	22,43	566	33,77	578	34,49	8	0,48	0	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG TTGD - CTSV



Lê Xuân Thiện



Đinh Hồng Minh

- Từ XS, Tốt, Khá trở lên	1090	65,04	- Từ TB trở lên	1668	99,52
- Trung bình	578	34,49	- Yếu	8	0,48
- Yếu	8	0,48			